

Số: 146/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 997/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (tên gọi mới: Ngân hàng TMCP X).

Địa chỉ trụ sở cũ: Số 266-268 Đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở mới: Tòa nhà T, số 43-45-47 Đường N, phường B, Quận M (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Quỳnh D; Địa chỉ liên hệ: Số 266 Đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 2104.2026.UQ-SACOMBANK.SBA ngày 08/7/2026).

*Bị đơn:* Ông Lương Định T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 12/1E Đường N1, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1** Ông Lương Định T xác nhận và có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (tên gọi mới: Ngân hàng TMCP X) tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/7/2026 là: 128.586.032 (một trăm hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn không trăm ba mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc: 56.224.952 đồng, nợ lãi quá hạn: 72.361.080 đồng phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/6/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) giữa ông Lương Định T và Ngân hàng TMCP S (tên gọi mới: Ngân hàng TMCP X).

Thời hạn và phương thức thanh toán như sau: Chia làm 06 (sáu) đợt, cụ thể:

+ Đợt 1: Chậm nhất đến hết ngày 10/9/2026, ông Lương Đình T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 21.431.005 (*hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn không trăm lẻ năm*) đồng.

+ Đợt 2: Chậm nhất đến hết ngày 10/10/2026, ông Lương Đình T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 21.431.005 (*hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn không trăm lẻ năm*) đồng.

+ Đợt 3: Chậm nhất đến hết ngày 10/11/2026, ông Lương Đình T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 21.431.005 (*hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn không trăm lẻ năm*) đồng.

+ Đợt 4: Chậm nhất đến hết ngày ngày 10/12/2026, ông Lương Đình T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 21.431.005 (*hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn không trăm lẻ năm*) đồng.

+ Đợt 5: Chậm nhất đến hết ngày ngày 10/01/2027, ông Lương Đình T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 21.431.005 (*hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn không trăm lẻ năm*) đồng.

+ Đợt 6: Chậm nhất đến hết ngày 10/02/2027, ông Lương Đình T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 21.431.007 (*hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn không trăm lẻ bảy*) đồng.

Trong trường hợp ông Lương Đình T vi phạm bất cứ đợt thanh toán nào nêu trên thì Ngân hàng TMCP S (tên gọi mới: Ngân hàng TMCP X) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thu hồi ngay toàn bộ số nợ còn lại ngay sau ngày vi phạm.

Đôi bên tự thực hiện việc giao nhận tiền hoặc thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 28/7/2026, ông Lương Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lương Đình T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành của vụ án là 3.214.651 (*ba triệu hai trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi một*) đồng, bị đơn ông Lương Đình T tự nguyện chịu toàn bộ, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên gọi mới: Ngân hàng TMCP X) không phải chịu án phí nên đề nghị Tòa án hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 2.549.514 (*hai triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm mười bốn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024431 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Người nộp tiền ghi trong

Biên lai: Ngân hàng TMCP S). Thi hành ngay sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 và Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực B – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực B – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Huế**

